



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN** **NĂM 2010**

Tên công ty : **Công ty Cổ phần Xây dựng 47**

Trụ sở chính: 08 Biên Cương, Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại : (056) 3522166 Fax : (056) 3522316

E-mail: [ctyxaydung47@dng.vnn.vn](mailto:ctyxaydung47@dng.vnn.vn) Website: [www.xaydung47.vn](http://www.xaydung47.vn)

### **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :**

#### **1. Những sự kiện quan trọng:**

Tiền thân là Công ty Xây dựng thủy lợi 7 được thành lập theo Quyết định 888 QĐ/TCCB ngày 08/09/1975 của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi.

Đổi tên thành Công ty Xây dựng 47 theo quyết định số 119 NN-TCCB/QĐ ngày 03/02/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn.

Công ty cổ phần Xây dựng 47 là Doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá từ Công ty xây dựng 47 thuộc Bộ Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn theo quyết định số 4411 QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn.

Công ty cổ phần Xây dựng 47 chính thức hoạt động từ 01/07/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp ngày 27/06/2005.

Đến nay, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258747 lần thứ 10 ngày 09/02/2011 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

#### **2. Quá trình phát triển :**

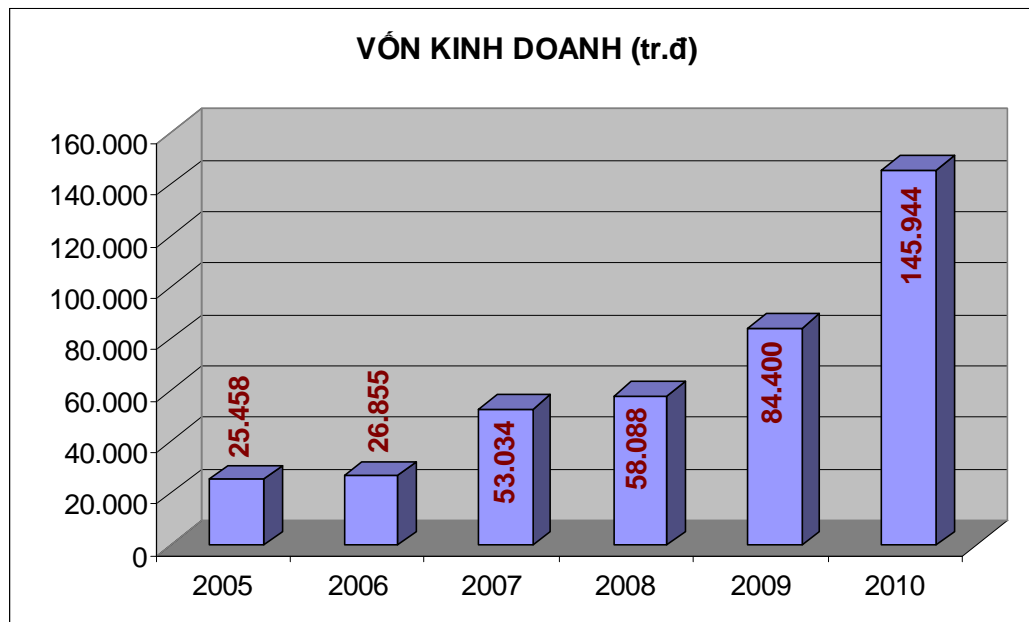
+ Ngành nghề kinh doanh

- § *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 4290)*
- § *Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933)*
- § *Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520)*
- § *Sản xuất phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất khác sản phẩm cơ khí công trình (2599)*
- § *Bán buôn tổng hợp: rượu, thuốc lá, hàng thủ công mỹ nghệ (4690)*
- § *Dịch vụ tắm hơi, massage (9610)*
- § *Hoạt động của các điểm truy cập internet (61901)*
- § *Điều hành tour du lịch (7912)*
- § *Dịch vụ hỗ trợ giáo dục : Tư vấn du học (8560)*
- § *Vận tải hành khách đường bộ khác (4932)*
- § *Cho thuê ô tô (77101)*

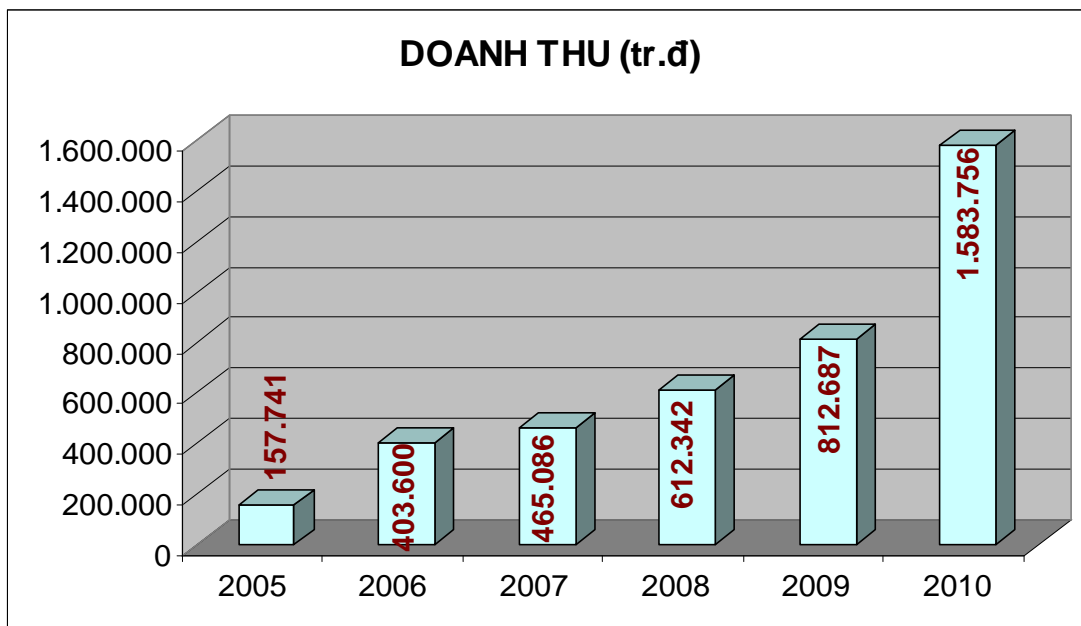
- § Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển (9329)
- § Dạy nghề (85322)
- § Đại lý thu đổi ngoại tệ (6499)
- § Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (78302)
- § Xây dựng công trình đường bộ (42102)
- § Xây dựng nhà các loại (4100)
- § Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810)
- § Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu (7120)
- § Khách sạn (55101)
- § Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (56101)
- § Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch (7920)
- § Đại lý rượu bia, nước giải khát. Đại lý bán vé máy bay (46101)
- § Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất (6810)
- § Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình (4390)

#### + Tình hình hoạt động

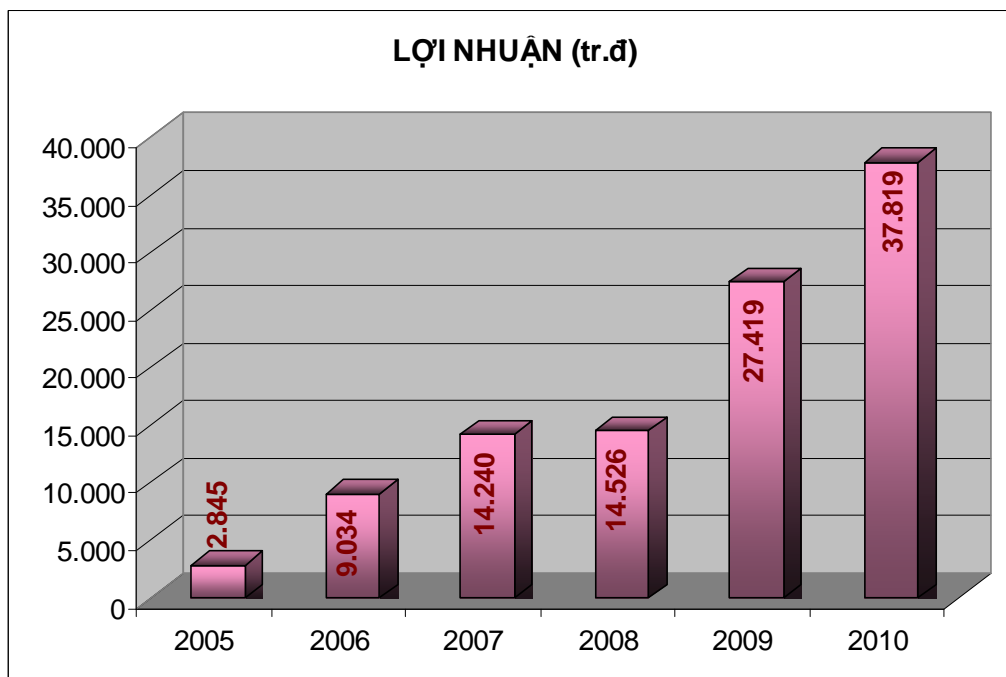
Trong suốt quá trình hoạt động dù hoạt động theo mô hình nào công ty cũng đều vượt qua mọi khó khăn, đã đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Doanh thu đều tăng trưởng qua các năm, doanh thu năm sau cao hơn năm trước, chưa có năm nào thua lỗ. Vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Đặc biệt từ sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ 01/07/2005, doanh thu và lợi nhuận của công ty đã có sự tăng trưởng vượt bậc.



Nguồn số liệu : BCTC được kiểm toán các năm 2005-2010



*Nguồn số liệu : BCTC được kiểm toán các năm 2005-2010*



*Nguồn số liệu : BCTC được kiểm toán các năm 2005-2010*

Hiện Công ty là một trong những Công ty hàng đầu trong nước chuyên về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Các công trình do Công ty đảm nhận thi công luôn được các cơ quan ban ngành đánh giá cao về chất lượng, mỹ thuật và đảm bảo tiến độ. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác như: Kinh doanh nhà hàng khách sạn và du lịch lữ hành, đại tu xe máy thi công, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình, thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu, khai thác vận chuyển vật liệu xây dựng, dịch vụ xuất khẩu lao động... cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của Công ty.

Công ty được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, các Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động của Nhà nước và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các cấp.

### **3. Định hướng phát triển :**

+ Mục tiêu chủ yếu của công ty :

- Trong năm 2011 thực hiện kế hoạch niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TpHCM.
- Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm thiết bị máy móc, phương tiện vận tải để hợp lý hóa dây chuyền, tăng năng lực sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao vị thế hiện có của Công ty.
- Tiếp tục phát huy được những ngành nghề đã và đang là thế mạnh của Công ty như : xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cơ sở hạ tầng; nhà hàng, khách sạn, du lịch lữ hành. Giữ vững, khẳng định vị thế là một nhà thầu có năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng các dự án thủy lợi, thủy điện.
- Mở rộng SXKD trong một số lĩnh vực mới như xây dựng hạ tầng, xây dựng dân dụng, đặc biệt trong việc đầu tư xây dựng các dự án chung cư; tham gia góp vốn với một số đối tác thành lập Công ty thủy điện CP Văn Phong.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty theo mô hình Công ty đa ngành nghề trong đó các hoạt động xây dựng vẫn là nền tảng.
- Mở rộng SXKD sang một số lĩnh vực mới đặc biệt là tham gia vào các lĩnh vực địa ốc, xây dựng dân dụng; vật liệu xây dựng; xuất khẩu lao động ...
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược mới có năng lực tài chính, tiềm năng trong kinh doanh để đảm bảo huy động vốn cũng như tạo công việc cho Công ty.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :**

### **1. Đánh giá chung :**

#### **a) Thuận lợi :**

- Công ty luôn đảm bảo người lao động có đủ việc làm. Kế hoạch sản xuất được định hướng rõ ràng và cân đối trên cơ sở các công trình đang triển khai thi công, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và nguồn vốn thanh toán.
- Bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất vẫn ổn định, không ngừng được củng cố, hoàn thiện.
- Toàn thể CBCNV tin tưởng, đoàn kết, toàn tâm phấn đấu làm việc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đặt ra.

#### **b) Khó khăn :**

- Năm 2010, kế hoạch sản xuất được giao tăng gần gấp đôi nên lượng vốn chuẩn bị thi công tăng cao, mặc dù đã được chủ đầu tư cho tạm ứng một phần nhưng vẫn phải vay thêm của ngân hàng tín dụng. Cộng với việc lãi suất ngân hàng liên tục tăng nên chi phí tài chính lớn, khoảng 76 tỷ làm ảnh hưởng đến lợi nhuận kinh doanh.
- Một số công trình có sử dụng nguồn vốn tín dụng thương mại, nhất là các công trình thủy điện gặp khó khăn trong việc huy động vốn thanh toán cho nhà thầu.
- Thời tiết thất thường làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công.
- Các công trình lớn khối lượng chủ yếu là bê tông cần nhiều công nhân xây lát, nhưng không đủ nguồn tuyển dụng.

#### **c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

- Các công trình đã trúng thầu năm 2009 như : thủy điện Sông Bung 4A (Quảng Nam – 130 tỷ đồng), Sông Bung 5 (Quảng Nam – 430 tỷ đồng), thủy lợi Tà Rục (Khánh Hòa – 190 tỷ đồng), thủy lợi Văn Phong (Bình Định – 305 tỷ đồng), thủy lợi Cây Ké (Bình Định – 19 tỷ đồng), kênh dẫn thủy điện Serepok 4A (Đắk Lắk – 20 tỷ đồng) đã triển khai đúng tiến độ, cùng với các công trình đã thi công trước đó góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất đã đề ra.
- Trong lĩnh vực Xây lắp - lĩnh vực kinh doanh chính của công ty (hiện chiếm 96,61% tổng doanh thu 2010), nhiệm vụ trọng tâm là tìm kiếm các hợp đồng

thi công. Công ty đã tích cực xúc tiến với các Bộ, ngành, địa phương và các đại diện chủ đầu tư, tham gia đấu thầu các công trình lớn, giải quyết đủ việc làm trong năm 2011 và gói đầu cho các năm sau. Trong năm 2010, công ty đã ký hợp đồng thi công công trình thủy điện Thượng Kon Tum (Kon Tum – 354 tỷ đồng) và được Thủ tướng chỉ định làm tổng thầu thi công công trình thủy lợi Tân Mỹ (Ninh Thuận – 1.200 tỷ đồng)

- Hoạt động sản xuất phục vụ như : thí nghiệm, sửa chữa, gia công cơ khí, khác thác và vận chuyển VLXD ... đảm bảo phục vụ tốt công tác thi công các công trình nên công ty hết sức chủ động trong việc đảm bảo tiến độ được giao.
- Hoạt động dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành đạt hiệu quả tương đối tốt, khách sạn Hải Âu được đánh giá là đơn vị mạnh của ngành du lịch địa phương.
- Năm 2010, hoạt động xuất khẩu lao động đã đạt được kết quả khá tốt, đã đưa được 69 lao động sang làm việc tại Malaysia. Hiện công ty đang tiến hành các thủ tục thành lập Trung tâm dạy nghề để nâng cao chất lượng lao động, phục vụ ngành khách sạn, nhà hàng và lao động xuất khẩu cho tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận.

## ***2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch SXKD 2010 :***

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	1.200.000.000.000	1.583.756.481.698	132%
2	Lợi nhuận	30.000.000.000	37.819.416.149	126%
3	Nộp ngân sách	128.000.000.000	174.535.247.968	136%
4	Lương bình quân	4.500.000	5.457.000	121%
5	Đầu tư đổi mới thiết bị	100.000.000.000	117.110.489.464	117%

*Nguồn số liệu : BCTC hợp nhất được kiểm toán 2010*

## ***3. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận :***

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tỷ lệ
1	Thu nhập doanh nghiệp	27.292.995.042	37.755.204.639	138%
	Trong đó : Cổ tức Cty CP Hàm Hô	65.293.322		0%
	Cổ tức Cty CP Định Bình	3.046.494.000	3.300.000.000	108%
2	TNDN chịu thuế	24.181.207.720	34.455.204.639	

3	Thuế TNDN	<u>6.045.301.935</u>	<u>8.613.801.163</u>	142%
	Trong đó : Phải nộp NSNN	3.022.650.968	8.613.801.163	
	Được miễn giảm bổ sung VKD	3.022.650.967		
4	TNDN sau thuế	21.247.693.107	29.141.403.476	137%
5	Các khoản xử lý sau thuế TNDN	<u>58.783.331</u>	<u>16.447.616</u>	28%
	Trong đó : Điều chỉnh thuế năm trước			
	Nộp phạt	58.783.331	16.447.616	
7	Số còn lại phân ra các quỹ	21.188.909.776	29.124.955.860	137%
8	+ Quỹ dự phòng tài chính (5%)	1.059.445.488	1.456.247.793	137%
9	+ Quỹ đầu tư phát triển(>15%)	3.178.336.467	6.154.142.608	194%
10	+ Chia cổ tức	15.891.682.333	20.058.317.667	126%
	Tỷ lệ chia cổ tức trên LNST	75%	69%	
	Tỷ suất cổ tức	29,93%	25,07%	
11	+ Quỹ khen thưởng (3%)	635.667.293	873.748.675	137%
12	+ Quỹ phúc lợi (2%)	423.778.195	582.499.117	137%

*Nguồn số liệu : BCTC được kiểm toán 2010 của công ty mẹ*

#### **4. Công tác đầu tư :**

##### **a. Đầu tư, đổi mới trang thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh :**

Căn cứ mục tiêu, kế hoạch sản xuất, căn cứ năng lực thiết bị xe máy, Hội đồng quản trị đã xem xét phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trang thiết bị nhằm hợp lý hóa dây chuyền sản xuất, đáp ứng nhu cầu thi công công nghệ cao của các công trình, nâng cao năng lực, uy tín của công ty trong việc thi công các công trình đã trúng thầu cũng như công tác đấu thầu các công trình mới.

Trong năm 2010, công ty đã đầu tư thêm 25 ô tô các loại, 4 máy đào, 3 cần cẩu, 1 máy ủi, 2 máy khoan đặc chủng, 1 trạm trộn, 1 trạm nghiền, 1 hệ thống băng tải, 2 hệ thống làm lạnh bê tông ... và nhiều thiết bị công tác khác.

Tất cả các dự án đều được thực hiện đúng theo quy định của luật pháp, điều lệ và quy chế tài chính của công ty. Các dự án vay đã được ngân hàng ĐT & PT Bình Định thẩm định, duyệt cho vay và đã giải ngân kịp thời.

Các dự án đầu tư triển khai đúng tiến độ, trang thiết bị đầu tư hoạt động có hiệu quả cao, việc trích khấu hao và giá trị tăng thêm đảm bảo đủ trả nợ và tái đầu tư mở rộng sản xuất.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ
1	Đầu tư đổi mới thiết bị	100.000.000.000	117.110.489.464	117%

b. Đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết :

Năm 2009, Công ty tham gia góp vốn vào Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn, vốn điều lệ 335.000.000.000 đồng, số vốn đăng ký là 6.000.000.000 đồng, tỷ lệ 1,79%. Hiện Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn đang triển khai dự án thủy điện Serepok 4A, công suất 64 MW, vốn đầu tư dự kiến 1.900 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 2 năm. Đến nay, công ty đã thực hiện góp 480.000.000 đồng. Số vốn còn lại sẽ góp trong năm 2011.

Tổng số vốn công ty đã đầu tư vào các công ty khác như sau :

Công ty con/công ty liên kết	ĐVT	Năm nay	Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty CP thủy điện Định Bình	đồng		13.200.000.000	18,33%
Công ty CP du lịch Hàm Hồ	đồng		5.330.000.000	66,62%
Công ty CP thủy điện Buôn Đôn	đồng	480.000.000	480.000.000	1,79%
<b>Tổng cộng</b>		<b>480.000.000</b>	<b>19.010.000.000</b>	

Các công ty có vốn góp của công ty là Cty CP Thủy điện Định Bình và Cty CP Du lịch Hàm Hồ hoạt động có hiệu quả và đóng góp một phần lợi nhuận chung của công ty. Cụ thể :

Công ty con/công ty liên kết	ĐVT	Cổ tức được chia	Tỷ lệ trên tổng lợi nhuận CC47
Công ty CP thủy điện Định Bình	đồng	3.300.000.000	8,74%
Công ty CP du lịch Hàm Hồ	đồng	0	0%
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.300.000.000</b>	<b>8,74%</b>

Ghi chú : Năm 2009, do bão lụt gây thiệt hại nên Công ty CP Du lịch Hàm Hồ không có lãi, năm 2010 hoạt động kinh doanh có lợi nhuận chỉ 64 triệu đồng do phải chịu lỗ từ năm 2009 chuyển sang.



**5. Định hướng đầu tư giai đoạn 2010-2015 :**

Đầu tư phát triển sản xuất: Tiếp tục đầu tư xe máy thiết bị mới, đồng bộ, phù hợp với công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực, tăng năng suất, phát huy tốt hiệu quả đầu tư, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng khả năng cạnh tranh với các Doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường và sử dụng hợp lý hiệu suất vốn đầu tư.

Triển khai mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty hướng tới kinh doanh đa ngành đặc biệt là đầu tư địa ốc, vật liệu xây dựng, xây dựng thủy điện và hợp tác kinh doanh :

- Sáng lập Công ty CP Thủy điện Văn Phong vốn điều lệ 46.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng và khai thác dự án thủy điện Văn Phong, công suất 6MW, tổng mức dự toán 153.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn 30% (13.800.000.000 đồng).
- Xây dựng trung tâm dạy nghề xuất khẩu lao động và dịch vụ du lịch
- Thiết kế và xây dựng lại trụ sở công ty tại số 08, Biên Cương, Quy Nhơn.
- Chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất kho xưởng để đầu tư xây dựng khu nhà chung cư cao tầng. Chuyển khu kho xưởng về khu công nghiệp Phước An, Tuy Phước, Bình Định

Ngày 31 tháng 03 năm 2011  
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Chủ tịch*



*Nguyễn Lương Am*

**III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC :****1. Báo cáo tình hình tài chính 2010 :**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		37,17	32,29
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		62,83	67,71
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		90,50	87,96
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		9,29	11,89
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,15	0,04
	- Khả năng thanh toán hiện hành		0,16	0,05
	- Khả năng thanh toán chung		1,11	1,08
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		3,17	2,71
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		3,00	1,84
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		33,80	25,15

*Nguồn số liệu : BCTC hợp nhất được kiểm toán 2010*

Đặc thù của các doanh nghiệp ngành xây dựng cơ bản là giá trị khối lượng công việc rất lớn so với vốn chủ sở hữu nên hệ số đòn bẩy cao. Tuy nhiên, đối với các công trình mà công ty tham gia thi công thì chủ đầu tư là cơ quan nhà nước như Bộ NN&PTNT, Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc các công ty cổ phần thủy điện có dự án đầu tư được phê duyệt kỹ nên nguồn vốn luôn được đảm bảo rõ ràng, theo kế hoạch và tương đối phù hợp với tiến độ được giao. Công ty được chủ đầu tư cho tạm ứng vốn trên cơ sở hợp đồng đã ký kết, được Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam CN Bình Định cho vay

vốn và các đối tác cung cấp vật tư cấp hạn mức thương mại nên đủ vốn để tập kết vật liệu phục vụ thi công. Công tác thu hồi nợ đối với các chủ đầu tư khá tốt nên việc thanh toán tiền vay, trả tiền vật tư ... luôn đảm bảo đúng hạn.

**2. Cổ đông, vốn góp, cổ phiếu, trái phiếu, cổ tức :**

**a. Chính sách cổ tức :**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được ĐHCĐ thông qua, chính sách cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định, cụ thể như sau:

- Công ty chỉ chi trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Căn cứ kết quả kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển công ty, HĐQT đề xuất phương án trình ĐHCĐ quyết định.
- Tùy theo tình hình, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho cổ đông theo quý, sáu tháng nhưng không vượt quá mức chi cổ tức dự kiến.

**b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp :**

**\*) Về phát hành cổ phiếu tăng vốn lần 4 :**

Công ty đã thực hiện thành công kế hoạch phát hành cổ phần lần 4 nâng vốn điều lệ từ 39,75 tỷ lên 80 tỷ đồng theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2009 và các Nghị quyết bổ sung.

- § Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 4.025.000 cổ phiếu, trong đó bán cho cổ đông hiện hữu 1.987.500 cổ phần với giá 10.000 đ/cổ phần và chào bán ra công chúng 2.037.500 cổ phần với giá 17.000 đồng/cổ phần.
- § Tổng khối lượng vốn huy động : 40.250.000.000 đồng
- § Tổng số cổ phần đã phân phối : 4.025.000 cổ phần, đạt 100% số cổ phần được phép phát hành.
- § Giá cổ phiếu trung bình chào bán được: 13.543 đồng/cổ phiếu
- § Số tiền thu từ việc bán cổ phiếu : 54.512.500.000 đồng.
- § Chi phí bảo lãnh phát hành : 692.750.000 đồng
- § Số thu ròng từ đợt chào bán : 53.819.750.000 đồng. Trong đó : bổ sung vốn điều lệ 40.250.000.000 đồng, thặng dư vốn cổ phần 13.569.750.000 đồng.

**\*) Về giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu :**

Trong năm 2010, có 211 giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu, tổng số cổ phần giao dịch là 1.331.317 cổ phần.

Kể từ tháng 12/2010, Công ty ký hợp đồng quản lý cổ đông với Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC) để quản lý thống nhất trong thời gian hoàn chỉnh thủ tục lưu ký và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TpHCM.

\*) *Thống kê cổ phiếu đang lưu hành :*

Đến 31/12/2010, số lượng cổ phiếu đang lưu hành như sau :

Số lượng cổ đông nắm giữ cổ phiếu C47 : 917 người

Tổng số cổ phần lưu hành : 8.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần lưu hành : 8.000.000 cổ phần

Trong đó : + Cổ phần thuộc vốn nhà nước : 2.076.427 cổ phần

+ CP hạn chế chuyển nhượng : 618.114 cổ phần

(số CP sở hữu của thành viên HDQT+BKS+BTGD)

+ Cổ phần phổ thông khác : 5.305.459 cổ phần

+ Các cổ đông lớn :

Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc	CP sở hữu	
		Số CP	Tỷ lệ
Tổng cty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	15A Trần Khánh Dư, Q. Hoàn Kiếm Hà Nội	2.076.427	25,96%

c. Cổ tức/lợi nhuận dự kiến chia cho các thành viên góp vốn :

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
Tổng lợi nhuận sau thuế	đồng	24.270.344.074	29.141.403.476
Tổng số chia cổ tức	đồng	15.891.682.333	20.058.317.667
Tỷ lệ cổ tức/LNST	%	65,48%	68,83%

d) Về việc thực hiện kế hoạch niêm yết cổ phiếu :

- Sau khi hoàn thành việc phát hành lần 4, Công ty đã triển khai việc đăng ký niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch TpHCM. Ngày 15/03/2011, cùng với đơn vị tư vấn, Công ty đã tổ chức buổi roadshow giới thiệu tại TpHCM và chính thức thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn HOSE kể từ 30/03/2011.
- Giá tham chiếu chào sàn là : 17.000 đồng/cổ phần. Giá đóng cửa ngày giao dịch đầu tiên là 14.900 đồng/cổ phần, Khối lượng giao dịch 87.000 cổ phần.

**3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (đ)	Thực hiện (đ)	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	1.200.000.000.000	1.583.756.481.698	132%
2	Lợi nhuận	30.000.000.000	37.819.416.149	126%
3	Nộp ngân sách	128.000.000.000	174.535.247.968	136%
4	Lương bình quân	4.500.000	5.457.000	121%
5	Đầu tư đổi mới thiết bị	100.000.000.000	117.110.489.464	117%

*Nguồn số liệu : BCTC hợp nhất được kiểm toán 2010*

**4. Những tiên bộ công ty đã đạt được :**

- Đã đầu tư trang bị nhiều xe máy thiết bị mới, hiện đại thay thế dần cho những thiết bị cũ như : Máy đào Caterpillar, Kobelco, Komatsu dung tích gầu lớn, Máy ủi Caterpillar, Komatsu công suất lớn, xe ô tô tự đổ Hyundai, máy khoan đá, trạm nghiền sàng đá, cát, trạm trộn bê tông công suất lớn, thiết bị làm lạnh bê tông ... Đầu tư chiều sâu tập trung vào công nghệ thi công bê tông đầm lăn, sản xuất vật liệu xây dựng. Công tác quản lý chất lượng luôn luôn được đặt ở vị trí hàng đầu, các dây chuyền thi công chính đã được dần hoàn chỉnh theo hướng tiên tiến, hiện đại. Tinh thần trách nhiệm của người công nhân được nâng cao, việc làm ầu trong sản xuất đã được hạn chế một cách tích cực. Trình độ thi công ngày càng tiên bộ. Phòng Thí nghiệm đã phát huy hiệu quả đảm bảo cho công tác kiểm tra đánh gia chất lượng sản phẩm công trình xây dựng kịp thời, vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao được uy tín và hình ảnh của Công ty.
- Công tác an toàn lao động được đặc biệt chú trọng, cán bộ công nhân viên được học tập kiến thức an toàn vệ sinh lao động và trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động. Các quy định về an toàn vệ sinh lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.
- Công tác quản lý tài chính và thu hồi nợ được quản lý chặt chẽ, cùng với uy tín tốt của công ty trong việc vay và thanh toán nợ vay nên trong giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều khó khăn như năm qua, công ty vẫn đủ vốn phục vụ thi công công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, mỹ thuật.
- Khách sạn Hải Âu tiêu chuẩn 4 sao và đạt chuẩn ISO 9001-2000 có uy tín đối với khách du lịch trong và ngoài nước và là khách sạn được đánh giá là 1 trong số các khách sạn hiệu quả nhất ở Bình Định. Đội ngũ nhân viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, tinh thần thái độ phục vụ nên chất lượng phục vụ mang tính chuyên nghiệp cao. Do đó tăng tính cạnh tranh, thu

hút khách hàng, tăng doanh thu đồng thời nâng cao được thương hiệu và hình ảnh của Khách sạn và Công ty.

- Dịch vụ xuất khẩu lao động bước đầu đã xây dựng được uy tín và thương hiệu đối với người lao động trong tỉnh và các địa phương lân cận.
- Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty ngày càng hoàn thiện và thích ứng với quá trình hội nhập WTO. Việc kiểm soát Công ty đã và đang được cụ thể hoá bằng các quy chế nội bộ như: Quy trình quản lý chất lượng theo ISO 9001-2000, Quy chế về tiền lương tiền thưởng, Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh, Quy chế quản lý thiết bị, Định mức xe máy, lao động, vật tư, Thỏa ước lao động tập thể ... Việc phân phối tiền lương công bằng tạo sự động viên để người lao động yên tâm công tác, phấn đấu tăng năng suất lao động.
- Với năng lực và uy tín của mình, công ty luôn đảm bảo có đủ việc làm, gói đầu cho 2,3 năm sau, người lao động được hưởng chính sách đãi ngộ thỏa đáng và luôn tin tưởng, yên tâm công tác, phấn đấu xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững.

#### **5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

Căn cứ vào kết quả thực hiện SXKD năm 2010, tiến độ thi công các công trình, năng lực sản xuất, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch thực hiện cho năm 2011 như sau:

1. Doanh thu	: 1.300 tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	: 30 tỷ đồng
3. Cổ tức	: 20 %-30%
4. Đầu tư đổi mới thiết bị mở rộng SX	: 100 tỷ đồng
5. Nộp ngân sách	: 150 tỷ đồng

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**CTY CP XÂY DỰNG 47**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Lương Am**

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :**

**1. Báo cáo tài chính hợp nhất 2010 :**

a) Bảng cân đối kế toán:

STT	TÀI SẢN	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Số liệu tại ngày 01/01/2010
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>835.864.982.997</b>	<b>577.799.705.072</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>31.278.299.280</b>	<b>75.727.120.304</b>
1	Tiền	111	31.278.299.280	75.727.120.304
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>449.000.000</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		449.000.000
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>656.134.018.264</b>	<b>254.129.893.200</b>
1	Phải thu khách hàng	131	607.803.773.913	174.456.183.303
2	Trả trước cho người bán	132	41.594.033.358	78.094.455.905
3	Các khoản phải thu khác	138	6.736.210.993	1.579.253.992
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>144.619.339.145</b>	<b>241.373.696.674</b>
1	Hàng tồn kho	141	144.619.339.145	241.373.696.674
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>3.833.326.308</b>	<b>6.119.994.894</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	151.346.431	102.469.198
2	Tài sản ngắn hạn khác	158	3.681.979.877	6.017.525.696
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>398.669.810.003</b>	<b>341.785.128.571</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>383.415.706.345</b>	<b>322.634.028.969</b>
1	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>371.848.740.801</b>	<b>314.063.180.061</b>
	- Nguyên giá	222	582.712.247.410	465.857.654.091
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(210.863.506.609)	(151.794.474.030)
2	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>224</b>	<b>352.177.130</b>	<b>541.156.221</b>
	- Nguyên giá	225	669.682.273	669.682.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(317.505.143)	(128.526.052)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11.214.788.414	8.029.692.687
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13.680.000.000</b>	<b>13.680.000.000</b>
2	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	13.680.000.000	13.680.000.000
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>1.574.103.658</b>	<b>5.471.099.602</b>
1	Tài sản dài hạn khác	268	1.574.103.658	5.471.099.602
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.234.534.793.000</b>	<b>919.584.833.643</b>

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Số liệu tại ngày 01/01/2010
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b><u>1.086.682.953.806</u></b>	<b><u>833.279.435.151</u></b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b><u>777.454.459.569</u></b>	<b><u>522.507.407.423</u></b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	475.388.315.801	216.968.154.563
2	Phải trả người bán	312	183.167.293.437	194.524.790.356
3	Người mua trả tiền trước	313	24.683.998.974	50.904.460.750
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	20.548.844.720	15.343.845.787
5	Phải trả công nhân viên	315	37.988.791.503	21.325.495.591
6	Chi phí phải trả	316	22.939.914.674	10.268.887.195
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	318	11.921.171.430	12.135.222.318
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	816.129.030	1.036.550.863
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b><u>309.228.494.237</u></b>	<b><u>310.772.027.728</u></b>
1	Vay và nợ dài hạn	334	305.522.132.854	308.139.044.899
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	3.706.361.383	2.632.982.829
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b><u>145.944.311.150</u></b>	<b><u>84.399.959.268</u></b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b><u>145.944.311.150</u></b>	<b><u>84.399.959.268</u></b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	80.000.000.000	39.750.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	23.467.650.000	9.897.900.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	10.449.146.977	10.449.146.977
4	Quỹ đầu tư phát triển	417	12.022.441.693	5.868.299.085
5	Quỹ dự phòng tài chính	418	3.952.793.773	2.496.545.980
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	52.278.707	46.384.893
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16.000.000.000	15.891.682.333
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b><u>1.907.528.044</u></b>	<b><u>1.905.439.224</u></b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b><u>1.234.534.793.000</u></b>	<b><u>919.584.833.643</u></b>

*Nguồn số liệu : BCTC hợp nhất được kiểm toán 2010*





## b) Báo cáo kết quả kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.577.600.472.935	808.179.740.885
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	42.132.170	78.461.537
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.577.558.340.765	808.101.279.348
4	Giá vốn hàng bán	11	1.437.637.242.379	731.137.628.489
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	139.921.098.386	76.963.650.859
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.960.646.239	3.836.268.645
7	Chi phí tài chính	22	76.014.939.259	27.420.775.903
8	Chi phí bán hàng	24		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31.897.259.726	26.630.830.949
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	36.969.545.640	26.748.312.652
11	Thu nhập khác	31	1.195.362.524	671.002.386
12	Chi phí khác	32	345.492.015	
13	Lợi nhuận khác	40	849.870.509	671.002.386
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	37.819.416.149	27.419.315.038
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.620.057.026	3.030.290.768
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	29.199.359.123	24.389.024.270
17	Lợi ích của cổ đông thiểu số		15.165.288	31.094.211
18	Lợi ích của Công ty mẹ		29.184.193.835	24.357.930.059

Nguồn số liệu : BCTC hợp nhất được kiểm toán 2010

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Chỉ tiêu	MS	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.186.224.833.846	741.233.832.607
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	1.149.497.610.596	673.359.880.236
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	168.983.550.803	111.762.296.086
4. Tiền chi trả lãi vay	4	75.935.774.174	27.408.420.905
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	5.647.650.965	649.323.806
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.719.011.555	9.230.133.633
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	1.103.015.504	1.730.262.342
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(213.223.756.641)</b>	<b>(64.446.217.135)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	116.710.849.935	92.931.191.778
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	449.000.000	91.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.549.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.924.834.691	3.734.761.205
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(111.337.015.244)</b>	<b>(86.556.430.573)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	54.512.500.000	5.366.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	983.624.551.340	713.912.301.945
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	738.080.932.383	527.121.624.093
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19.950.000.000	4.423.900.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>280.106.118.957</b>	<b>187.732.777.852</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(44.454.652.928)</b>	<b>35.696.879.422</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>75.727.120.304</b>	<b>40.027.797.312</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>5.831.904</b>	<b>2.443.570</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>31.278.299.280</b>	<b>75.727.120.304</b>

Nguồn số liệu : BCTC hợp nhất được kiểm toán 2010

**2. Báo cáo tài chính công ty mẹ 2010 :**

a) Bảng cân đối kế toán :

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b><u>TÀI SẢN NGẮN HẠN</u></b>	100		<b><u>834.227.554.124</u></b>	<b><u>576.022.588.595</u></b>
<b>I</b>	<b><u>Tiền và các khoản tương đương tiền</u></b>	110		<u>31.023.354.873</u>	<u>75.388.778.029</u>
1	Tiền	111	V.01	31.023.354.873	75.388.778.029
<b>II</b>	<b><u>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u></b>	120	V.02		<u>449.000.000</u>
1	Đầu tư ngắn hạn	121			449.000.000
<b>III</b>	<b><u>Các khoản phải thu ngắn hạn</u></b>	130		<u>655.025.461.410</u>	<u>253.930.141.053</u>
1	Phải thu khách hàng	131		607.769.831.813	174.456.183.303
2	Trả trước cho người bán	132		41.594.033.358	78.094.455.905
5	Các khoản phải thu khác	138		5.661.596.239	1.379.501.845
<b>IV</b>	<b><u>Hàng tồn kho</u></b>	140		<u>144.541.585.695</u>	<u>241.294.455.601</u>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	144.541.585.695	241.294.455.601
<b>V</b>	<b><u>Tài sản ngắn hạn khác</u></b>	150		<u>3.637.152.146</u>	<u>4.960.213.912</u>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		151.346.431	102.469.198
5	Tài sản ngắn hạn khác	158		3.485.805.715	4.857.744.714
<b>B</b>	<b><u>TÀI SẢN DÀI HẠN</u></b>	200		<b><u>397.933.538.466</u></b>	<b><u>341.256.856.376</u></b>
<b>II</b>	<b><u>Tài sản cố định</u></b>	220		<u>377.678.846.466</u>	<u>316.998.066.250</u>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	366.417.058.762	308.678.532.150
	- Nguyên giá	222		576.357.135.705	459.817.183.514
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.940.076.943)	(151.138.651.364)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	249.432.130	438.411.221
	- Nguyên giá	228		566.937.273	566.937.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(317.505.143)	(128.526.052)
4	Chi phí xây dựng cơ bản	230	V.11	11.012.355.574	7.881.122.879

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

<b>IV</b>	<b><u>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</u></b>	<b>250</b>		<b>19.010.000.000</b>	<b>19.010.000.000</b>
1	Đầu tư vào Công ty con	251		5.330.000.000	5.330.000.000
2	Đầu tư vào cty liên doanh, liên kết	252		13.680.000.000	13.680.000.000
<b>V</b>	<b><u>Tài sản dài hạn khác</u></b>	<b>260</b>		<b>1.244.692.000</b>	<b>5.248.790.126</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261			3.955.268.835
3	Tài sản dài hạn khác	268		1.244.692.000	1.293.521.291
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>1.232.161.092.590</b>	<b>917.279.444.971</b>
<b>TT</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A</b>	<b><u>NỢ PHẢI TRẢ</u></b>	<b>300</b>		<b>1.086.269.060.147</b>	<b>832.925.870.596</b>
<b>I</b>	<b><u>Nợ ngắn hạn</u></b>	<b>310</b>		<b>777.104.198.793</b>	<b>522.387.772.161</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	475.388.315.801	216.968.154.563
2	Phải trả người bán	312		182.994.997.980	194.479.909.739
3	Người mua trả tiền trước	313		24.683.998.974	50.904.460.750
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	20.544.982.701	15.407.724.431
5	Phải trả người lao động	315		37.988.791.503	21.325.495.591
6	Chi phí phải trả	316	V.17	22.939.914.674	10.268.887.195
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	11.755.995.381	12.002.855.402
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		807.201.779	1.030.284.490
<b>II</b>	<b><u>Nợ dài hạn</u></b>	<b>330</b>		<b>309.164.861.354</b>	<b>310.538.098.435</b>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	305.458.499.971	307.905.115.606
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.706.361.383	2.632.982.829
<b>B</b>	<b><u>VỐN CHỦ SỞ HỮU</u></b>	<b>400</b>		<b>145.892.032.443</b>	<b>84.353.574.375</b>
<b>I</b>	<b><u>Vốn chủ sở hữu</u></b>	<b>410</b>	V.22	<b>145.892.032.443</b>	<b>84.353.574.375</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	39.750.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		23.467.650.000	9.897.900.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.449.146.977	10.449.146.977
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		12.022.441.693	5.868.299.085
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		3.952.793.773	2.496.545.980
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.000.000.000	15.891.682.333
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>1.232.161.092.590</b>	<b>917.279.444.971</b>

## b) Báo cáo kết quả kinh doanh :

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.575.343.454.326	806.078.772.649
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26	42.132.170	78.461.537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	1.575.301.322.156	806.000.311.112
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.436.186.987.040	729.738.221.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		139.114.335.116	76.262.089.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.924.834.691	3.805.399.693
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	75.995.427.761	27.379.155.309
. - Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.995.427.761	27.379.155.309
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.138.407.916	26.066.341.425
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		36.905.334.130	26.621.992.656
11. Thu nhập khác	31		1.195.362.524	671.002.386
12. Chi phí khác	32		345.492.015	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		849.870.509	671.002.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.755.204.639	27.292.995.042
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	8.613.801.163	3.022.650.968
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		29.141.403.476	24.270.344.074
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.867	6.294

## c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ :

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1.183.932.003.689	739.237.430.548
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		1.149.018.653.496	671.613.840.201
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		168.340.704.088	111.286.426.404
4. Tiền chi trả lãi vay	4		75.916.262.676	27.374.282.309
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		5.647.650.965	642.469.956
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.719.011.555	7.376.324.983
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		771.908.000	899.248.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(214.044.163.981)</b>	<b>(65.202.511.339)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		115.977.341.137	92.125.577.233
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		449.000.000	91.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			2.549.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.924.834.691	3.716.563.839
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(110.603.506.446)</b>	<b>(85.769.013.394)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		54.512.500.000	4.750.000.000
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		983.624.551.340	713.912.301.945
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		737.910.635.973	526.976.124.093
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		19.950.000.000	4.423.900.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>280.276.415.367</b>	<b>187.262.277.852</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>(44.371.255.060)</b>	<b>36.290.753.119</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>75.388.778.029</b>	<b>39.095.581.340</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61		<b>5.831.904</b>	<b>2.443.570</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	VII.34	<b>31.023.354.873</b>	<b>75.388.778.029</b>

*Kế toán trưởng*
*Phạm Văn Nho*

Ngày 31 tháng 03 năm 2011  
**CTY CP XÂY DỰNG 47**  
**Tổng Giám đốc**

*Nguyễn Lương Am*

**V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:**

**1. Kiểm toán độc lập :**

+ Đơn vị kiểm toán độc lập :

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội)**

Địa chỉ : số 12 ngõ 2 Hoa Lư, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại : 08.39745081 – 08.39745082

Fax : 08.39745083

E-mail : [cpahanoi@hn.vnn.vn](mailto:cpahanoi@hn.vnn.vn)

Website : [www.cpahanoi.com](http://www.cpahanoi.com)

(Có báo cáo kiểm toán kèm theo)

**VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN :**

**1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Cty CP Xây dựng 47:**

Không có

**2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Cty CP Xây dựng 47 nắm giữ :**

+ Công ty CP du lịch Hàm Hồ :

- Địa chỉ : Thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư xây dựng, quản lý khai thác các khu du lịch. Kinh doanh khách sạn, du lịch, lễ hành, karaoke, rượu, bia, thuốc lá.
- Vốn điều lệ : 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng). Phần vốn Công ty CP Xây dựng 47 đăng ký : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), tỷ lệ 75%.
- Theo tiến độ góp vốn, Cty CP Xây dựng 47 đã góp vào cty CP DL Hàm Hồ đến 31/12/2010 số vốn 5.330.000.000 đồng. Tỷ lệ : 73,83%. (Tại thời điểm 31/12/2010, vốn đầu tư đã góp là : 7.219.000.000 đồng)

**3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan :**

+ Công ty CP thủy điện Định Bình :

- Địa chỉ : số 8 Biên Cương, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư xây dựng, quản lý khai thác NM thủy điện.
- Vốn điều lệ : 72.300.000.000 đồng (Bảy mươi hai tỷ ba trăm triệu đồng)
- Vốn do công ty nắm giữ : 13.200.000.000 đồng (Mười ba tỷ hai trăm triệu đồng). Tỷ lệ : 18,26%.



**4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan năm 2010 :**

+ Công ty CP du lịch Hàm Hồ :

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
Tổng tài sản	đồng	7.379.773.626	7.635.388.672
Tài sản ngắn hạn	-	2.510.821.180	1.777.116.477
Tài sản dài hạn	-	4.868.952.446	5.858.272.195
Nợ phải trả	-	726.419.136	347.298.182
Nguồn vốn kinh doanh	-	6.653.354.490	7.288.090.490
Tổng doanh thu	-	1.690.843.502	2.131.837.188
Tổng chi phí	-	1.577.179.704	2.005.517.192
Lợi nhuận trước thuế	-	113.663.798	126.319.996
Thuế TNDN phải nộp	-	9.964.785	7.639.800
Lợi nhuận sau thuế	-	103.699.013	118.680.196
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	157	164
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	1,71%	1,73%
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	6,72%	5,93%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	1,54%	1,65%

*Nguồn số liệu : BCTC được kiểm toán 2010 của cty CP DL Hàm Hồ*

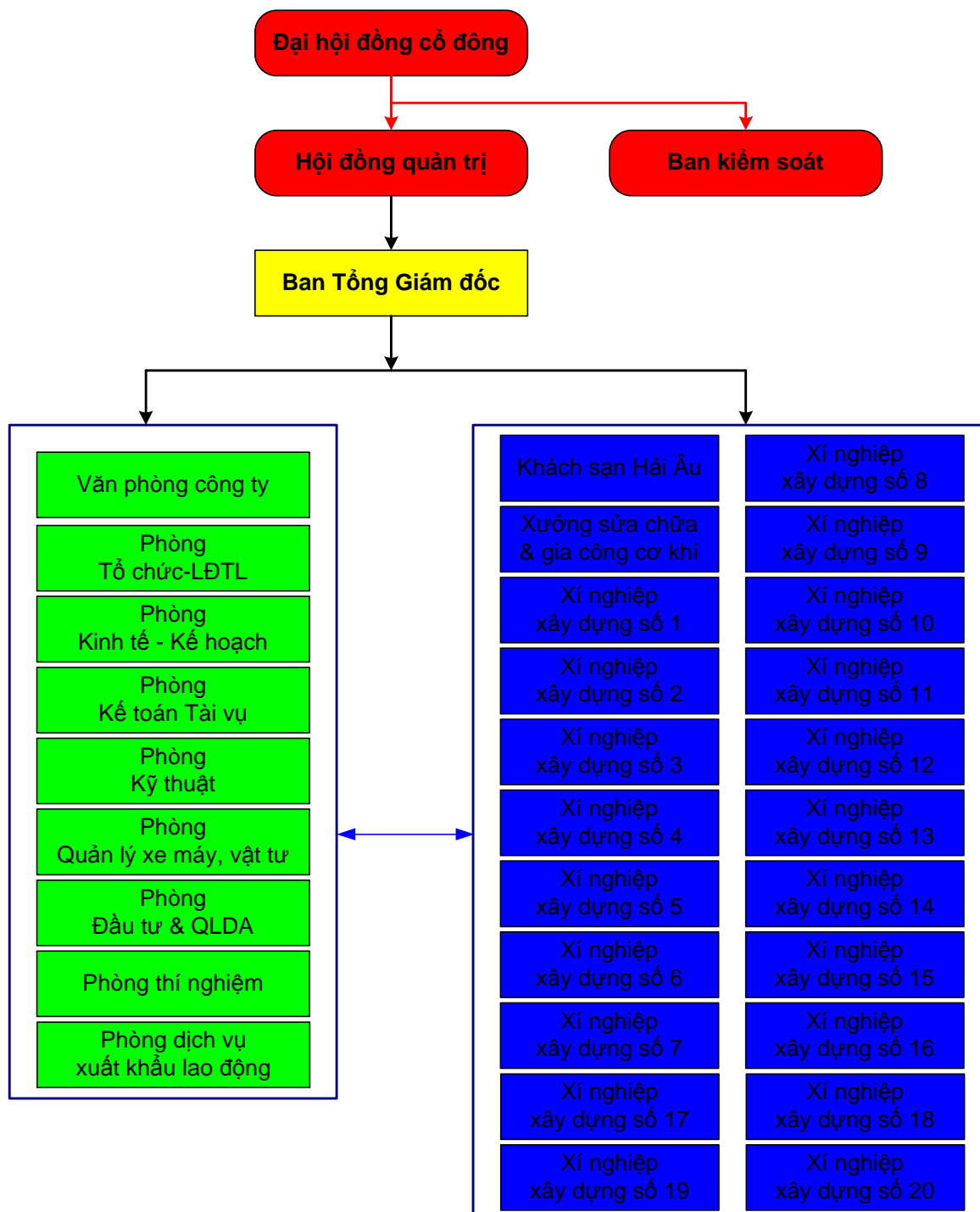
+ Công ty CP thủy điện Định Bình :

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
Tổng tài sản	đồng	81.563.852.501	84.872.925.956
Tài sản ngắn hạn	-	6.799.457.704	7.666.776.559
Tài sản dài hạn	-	74.764.394.797	77.206.149.397
Nợ phải trả	-	14.699.860.690	9.895.905.632
Nguồn vốn kinh doanh	-	66.863.991.811	74.977.020.324
Tổng doanh thu	-	20.674.589.819	30.752.125.159
Tổng chi phí	-	11.453.598.008	13.222.715.893
Lợi nhuận trước thuế	-	9.220.991.811	17.529.409.266
Thuế TNDN phải nộp	-		85.585.468
Lợi nhuận sau thuế	-	9.220.991.811	17.443.823.798
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	1.437	2.413
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	13,79%	23,38%
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	44,60%	57,00%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	11,31%	20,65%

*Nguồn số liệu : BCTC được kiểm toán 2010 của Cty CP TĐ Định Bình*

**VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ :**

**1. Cơ cấu tổ chức của công ty :**



**2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành :**

**2.1 Ông Nguyễn Lương Am - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc :**

Họ và tên : **Nguyễn Lương Am**  
Ngày tháng năm sinh : 01/09/1954  
Nơi sinh : Giao Yên, Giao Thủy, Nam Định  
CMND: 211622375 Ngày cấp: 27/06/2005 Nơi cấp: CA tỉnh Bình Định  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Giao Yên, Giao Thủy, Nam Định  
Địa chỉ thường trú : 50 Nguyễn Xuân Nhĩ, Quy Nhơn, Bình Định  
Trình độ văn hoá : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi  
Quá trình công tác :  
03/1978 – 05/1981 Kỹ sư GSKT Công Ty Xây dựng Thủy lợi 7  
06/1981 – 12/1994 Đội phó/ Đội trưởng/ Phó Giám đốc Cty XD TL 7  
01/1995 – 06/2005 Giám đốc công ty XD TL 7 (Cty Xây dựng 47)  
07/2005 đến nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CP Xây dựng 47.  
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty  
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:  
+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Hàm Hô (Bình Định)  
+ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Định Bình (Bình Định)  
Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*) : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không  
Các khoản nợ đối với công ty : Không  
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:  
    • Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 295.245 cổ phần  
    • Số cổ phần đại diện : 2.076.427 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Các khoản nợ đối với công ty : Không  
Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Những người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Yên	Me ruột	1924	160416003	06/08/1978	Nam Định	Không
Nguyễn Thị Liên	Em ruột	10/05/1958	160416001	06/08/1978	Nam Định	Không
Nguyễn Đức Hòa	Em ruột	09/05/1964	215084677	21/12/2004	Bình Định	5.000
Tạ Thị Hòa	Vợ	06/01/1956	210913426	05/02/2007	Bình Định	42.095
Nguyễn Thị Đức Hà	Con ruột	20/06/1979	211683645	19/07/2007	Bình Định	Không
Nguyễn Thị Thu Trang	Con ruột	05/09/1984	211760188	04/07/2007	Bình Định	Không

## 2.2 Ông Vũ Xuân Chính - Phó Tổng Giám đốc thường trực :

Họ và tên : **Vũ Xuân Chính**

Ngày sinh : 19/08/ 1955

Nơi sinh : Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định

CMND số : 210913393 do CA Bình Định cấp ngày : 03/02/2004

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Quê quán : Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định

Thường trú : 108 Hoàng Văn Thụ, Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ học vấn : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác

05/1979-08/1983 Kỹ sư GSKT Công ty Xây dựng thủy lợi 7

09/1983-06/2005 Đội phó/Phó Phòng/Trưởng Phòng Tổ chức-LĐTL Công ty XD TL 7

04/2008 đến nay Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty CP Xây dựng 47

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc thường trực Cty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:



Ü Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 25.974 cổ phần

Ü Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Những người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Nghĩa	Vợ	1965	215031587	03/02/2004	Bình Định	1.110
Vũ Thanh Vân	Con ruột	1987	215031796	10/02/2004	Bình Định	Không
Vũ Thành Nam	Con ruột	1991	215192076	29/05/2007	Bình Định	Không

### 2.3 Ông Nguyễn Văn Tôn - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc :

Họ và tên : **Nguyễn Văn Tôn**

Ngày tháng năm sinh : 14/10/1955

Nơi sinh : Vũ Lạc, Kiến Xương, Thái Bình

CMND: 211809632 Ngày cấp: 09/05/2000 Nơi cấp: CA tỉnh Bình Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Vũ Lạc, Kiến Xương, Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 582 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác :

05/1979 – 01/1983 Kỹ sư GSKT Công ty Xây dựng Thủy lợi 7

02/1983 – 11/1983 Bí thư Đoàn TN Cty Xây dựng Thủy lợi 7

12/1983 – 06/2005 Đội trưởng/Phó Giám đốc Cty XD TL 7 (Cty Xây dựng 47)

07/2005 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng giám đốc Cty CPXD 47.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

**Ü** Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 57.778 cổ phần

**Ü** Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Những người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ
Nguyễn Văn Đức	Em ruột	10/01/1958	151189156	07/07/1993	Thái Bình	Không
Nguyễn Văn Thường	Em ruột	03/11/1962	201446399	06/10/2007	Đà Nẵng	Không
Vũ Thị Mão	Vợ	12/02/1952	210001745	02/11/2006	Bình Định	10.161
Nguyễn Thanh Bình	Con ruột	16/01/1984	211797289	13/09/2005	Bình Định	Không
Nguyễn Thái Dương	Con ruột	13/10/1987	215071015	03/08/2004	Bình Định	Không

#### 2.4 Ông Lê Văn Đông - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc :

Họ và tên : **Lê Văn Đông**

Ngày tháng năm sinh : 28/10/1955

Nơi sinh : An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Tây

CMND: 210926131 Ngày cấp: 27/12/1995 Nơi cấp: CA tỉnh Bình Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Tây

Địa chỉ thường trú : 582/5 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác :

05/1979 – 08/1983    Kỹ sư GSKT Công ty Xây dựng Thủy lợi 7  
 09/1983 – 06/2005    Đội phó/Đội trưởng/Phó Giám đốc CtyXDTL 7 (Cty XD 47)  
 07/2005 đến nay      Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP XD 47.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:            Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):                    Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty :            Không

Các khoản nợ đối với công ty:                            Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

**Ü** Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ                    :    71.784 cổ phần

**Ü** Số cổ phần đại diện                                    :                    0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật                                    : Không

Các khoản nợ đối với công ty                                : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác                        : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Những người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ
Lê Văn Kịch	Em ruột	1969	211762863	08/06/1999	Bình Định	4.522
Nguyễn Thị Lờ	Vợ	1958	211656385	27/12/1995	Bình Định	Không
Lê Thị Thanh Huệ	Con ruột	1983	211827659	02/03/2001	Bình Định	Không
Lê Thị Thanh Ngân	Con ruột	1989	215175337	07/09/2006	Bình Định	Không
Lê Minh Trang	Con ruột	1994	215297993	02/04/2009	Bình Định	Không

## 2.5 Ông Đinh Tấn Dương - Phó Tổng Giám đốc :

Họ và tên : **Đinh Tấn Dương**

Ngày sinh : 16/07/ 1963

Nơi sinh : Tỉnh Hòa, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi

CMND số : 210574520 do CA Bình Định cấp ngày : 09/03/2001

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tỉnh Hòa, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi



Thường trú : 136 Phan Bội Châu, Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác

09/1983-03/1994 Kỹ sư GSKT Công ty Xây dựng thủy lợi 7

03/1994-06/2005 Đội phó/Đội trưởng Đội thi công Cty XD TL 7, Cty XD 47

06/2005-12/2009 Giám đốc xí nghiệp thuộc Cty CP Xây dựng 47

Từ 12/2009 Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây dựng 47

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Cty CP Xây dựng 47

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

• Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 48.613 cổ phần

• Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Những người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ
Đình Tấn Hương	Anh ruột	10/01/1947	210574447	09/07/1979	Nghĩa Bình	Không
Đình Thị Minh Giang	Chị ruột	30/04/1952	210574640	09/07/1979	Nghĩa Bình	Không
Đình Tấn Nam	Anh ruột	02/07/1956	021838918	29/08/2005	TPHCM	Không
Lê Thị Anh Minh	Vợ	26/07/1965	210985583	21/12/2009	Bình Định	Không
Đình Phương Vũ	Con ruột	1998				Không
Đình Quang Bảo	Con ruột	1998				Không



**2.5 Ông Nguyễn Đức Thái - Phó Tổng Giám đốc :**

Họ và tên : **Nguyễn Đức Thái**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 03/06/1955

Nơi sinh : Đức Thạnh, Mộ Đức, Quảng Ngãi

CMND số : 211185914 do CA Bình Định cấp ngày 08/01/2001

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đức Thạnh, Mộ Đức, Quảng Ngãi

Thường trú : 4 Nguyễn trung Ngạn, Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại : 0913408277

Trình độ học vấn : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Động lực

Quá trình công tác :

01/1982-03/1991 Kỹ sư Động lực Công ty Xây dựng thủy lợi 7

03/1991-04/1994 Phó Phòng Quản lý xe máy Vật tư Công ty XD TL 7

04/1994-02/2010 Trưởng Phòng Quản lý xe máy Vật tư

Từ 02/2010 Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng Phòng Quản lý xe máy  
Vật tư Công ty CP Xây dựng 47

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Cty CP Xây dựng 47 kiêm  
Trưởng Phòng Quản lý xe máy Vật tư

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

Ù Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 17.572 cổ phần

Ù Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Những người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Thu Hồng	Chị ruột	14/05/1948	024470312	21/01/2005	TPHCM	Không
Võ Thị Hào	Vợ	07/03/1956	211871745	28/05/2002	Bình Định	9.285
Nguyễn Vũ Thông	Con ruột	15/01/1988	215071995	30/08/2004	Bình Định	Không
Nguyễn Vũ Hồng Minh	Con ruột	05/08/1990	215168987	29/08/2006	Bình Định	Không

### 3. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc :

Ban Tổng Giám đốc được hưởng lương theo Quy chế quản lý tiền lương, phụ cấp và hình thức trả lương do Hội đồng Quản trị ban hành.

Ngoài mức lương chính, Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định : phụ cấp trách nhiệm kiêm nhiệm, phụ cấp khu vực, phụ cấp công trường.

+ Bảng lương :

TT	Chức danh	Hệ số - Mức lương chính	
		Bậc 1	Bậc 2
1	Tổng Giám đốc	13,07	15,70
		<b>21.960.000</b>	<b>26.380.000</b>
2	Phó Tổng Giám đốc	7,90	9,46
		<b>13.270.000</b>	<b>15.890.000</b>

+ Bảng phụ cấp trách nhiệm kiêm nhiệm :

TT	Chức danh	Hệ số - Mức phụ cấp			
		1	2	3	4
1	Ban chỉ huy công trường	0,1	0,2	0,3	0,4
		<b>168.000</b>	<b>336.000</b>	<b>504.000</b>	<b>672.000</b>

+ Bảng phụ cấp khu vực :

TT	Chức danh	Hệ số - Mức phụ cấp			
		1	2	3	4
1	Nhóm 1	0,10	0,20	0,30	0,40
		<b>168.000</b>	<b>336.000</b>	<b>504.000</b>	<b>672.000</b>
2	Nhóm 2	0,50	0,60	0,70	1,00
		<b>840.000</b>	<b>1.008.000</b>	<b>1.176.000</b>	<b>1.680.000</b>

+ Bảng phụ cấp công trường :

Số TT	Chức danh	Hệ số - Mức phụ cấp	
		Nhóm 1	Nhóm 2
1	Công trường xây dựng cơ bản	0,20	0,30
		<b>336.000</b>	<b>504.000</b>

Chế độ và các khoản chi công tác phí cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo Quy chế Quản lý tài chính và Hạch toán kinh doanh do Hội đồng Quản trị ban hành.

#### **4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :**

##### **a. Thống kê, phân loại CBNV :**

Tổng số cán bộ, nhân viên	:	2.051 người
Trong đó :		
- Cán bộ quản lý	:	74 người
- Nhân viên nghiệp vụ	:	242 người
- Công nhân trực tiếp	:	1.735 người

Trình độ đào tạo :

- Đại học	:	202 người
- Trung cấp	:	123 người
- Sơ cấp	:	16 người
- Công nhân kỹ thuật	:	1.686 người
(Được đào tạo qua trường dạy nghề)		
- Lao động phổ thông	:	24 người

##### **b. Chính sách đối với người lao động :**

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã cam kết với người lao động đã được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động. Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thân thể và hưởng các quyền lợi theo quy định của luật pháp. Người lao động được bảo đảm về việc làm và an toàn lao động, được xếp lương theo năng lực, hưởng lương theo sản phẩm và năng suất lao động.

Công ty có chính sách đào tạo nhân viên với mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, kinh nghiệm, đội ngũ nhân viên thành thạo nghiệp vụ, lực lượng công nhân lành nghề và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Ngoài tiền lương, người lao động trong công ty còn được hưởng chế độ khen thưởng tùy theo thành tích đạt được và các khoản thưởng nhân các dịp lễ, tết.

Người lao động được trang bị trang phục làm việc, trang bị bảo hộ lao động theo quy chế của công ty và phù hợp với chế độ tài chính kế toán quy định.

#### **5. Thay đổi thành viên HĐQT/Ban Kiểm soát/Ban Tổng giám đốc/kế toán trưởng :**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 2 (2010-2015), gồm 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên cũ từ nhiệm kỳ 1 (2005-2010) là :

- Ông Nguyễn Lương Am - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Tôn - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Văn Đồng - Thành viên HĐQT

Hai thành viên mới là :

- Ông Đinh Tấn Dương - Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Văn Nho - Thành viên HĐQT

Trong năm 2010, HĐQT đã bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Thái, Kỹ sư thủy lợi, nguyên Trưởng phòng Quản lý xe máy – Vật tư thuộc Cty CP Xây dựng 47 giữ nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc công ty

## **VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN & QUẢN TRI CTY :**

### **1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :**

#### a. Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Lương Am	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Tôn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Văn Đồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Đinh Tấn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Phạm Văn Nho	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

#### b. Ban kiểm soát :

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Khế	Trưởng ban
2	Trương Đình Du	Ủy viên
3	Nguyễn Thị Lan	Ủy viên

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Thành viên HĐQT đều là cán bộ điều hành kiêm nhiệm. Theo Điều lệ công ty, HĐQT có nhiệm vụ xem xét, phê duyệt các chính sách lớn, các nội dung mang tính chiến lược như : ban hành các quy chế tài chính, kinh doanh, các định mức nội bộ về tiêu hao vật tư, thiết bị, định mức và năng suất lao động, quy chế trả lương thưởng, kế hoạch phát triển trung dài hạn, các dự án đầu tư, công tác nhân sự.

**d. Hoạt động của Ban kiểm soát :**

Thường xuyên giám sát công tác quản trị của HĐQT và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ công ty, các Nghị quyết ĐHCĐ; kiểm tra Báo cáo tài chính hàng năm, lập báo cáo kiểm soát trình ĐHCĐ.

**e. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty :**

Do điều kiện đặc thù của doanh nghiệp, thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban điều hành nên có điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản trị công ty. Ngoài Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT khác là Phó Tổng giám đốc được phân công điều hành trực tiếp toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của từng vùng cụ thể.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và cam kết với Sở Giao dịch Chứng khoán TpHCM, trong thời gian tới, công ty sẽ đảm bảo tỷ lệ thành viên HĐQT không tham gia điều hành ít nhất một phần ba tổng số thành viên.

**g. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên :**

Tổng số chi trả thù lao năm 2010 như sau :

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Lợi ích khác</b>
1	Nguyễn Lương Am	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	30.000.000		
2	Nguyễn Văn Tôn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	18.000.000		
3	Lê Văn Đồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	12.000.000		
4	Đình Tấn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	12.000.000		
5	Phạm Văn Nho	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	12.000.000		
6	Huỳnh Khé	Trưởng Ban kiểm soát	134.389.000		
7	Trương Đình Du	Ủy viên BKS	4.800.000		
8	Nguyễn Thị Lan	Ủy viên BKS	4.800.000		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>227.989.000</b>		

*Ghi chú : HĐQT và thành viên BKS hưởng thù lao không chuyên trách, riêng Trưởng Ban kiểm soát hưởng thù lao chuyên trách.*

Dự kiến kế hoạch trả thù lao HĐQT và BKS năm 2011 như sau :

<i>TT</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Thù lao chuyên trách</i>	<i>Thù lao không chuyên trách</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Chủ tịch HĐQT		2.500.000	
2	Phó Chủ tịch HĐQT		1.500.000	
3	Thành viên HĐQT		1.000.000	
4	Trưởng BKS	10.820.000		
5	Thành viên BKS		400.000	

h. Toàn bộ thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

i. Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên :

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Địa chỉ liên lạc</b>	<b>Nghề nghiệp/ Ngành nghề</b>	<b>CP sở hữu</b>		<b>Biến động CP trong năm</b>	
				<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Nguyễn Lương Am	1954	50 Nguyễn Xuân Nhĩ, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty	295.245	3,69%	98.415	1,23%
Nguyễn Văn Tôn	1955	582 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	57.778	0,72%	19.259	0,24%
Lê Văn Đồng	1955	582/5 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	71.784	0,90%	23.928	0,30%
Đình Tấn Dương	1963	136 Phan Bội Châu, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	48.613	0,61%	17.268	0,22%
Phạm Văn Nho	1961	175 Hoàng Văn Thụ, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	21.818	0,27%	9.330	0,12%

*Ghi chú* : Số lượng cổ phần sở hữu của thành viên HĐQT biến động tăng trong năm do mua thêm cổ phiếu đợt phát hành tăng vốn điều lệ lần 4.

k. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : chưa có giao dịch.

## **2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn :**

### **2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước :**

a. Cơ cấu cổ đông :



Phân loại	Số lượng	Số CP sở hữu	Vốn nắm giữ	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	1	2.076.427	20.764.270.000	25,96%
Cổ đông pháp nhân ngoài nhà nước	6	1.129.570	11.295.700.000	14,12%
Cổ đông cá nhân trong công ty	672	2.502.081	25.020.810.000	31,27%
Cổ đông cá nhân ngoài công ty	238	2.291.922	22.919.220.000	28,65%
Cổ đông người nước ngoài	0	0	0	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>917</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

## b. Các cổ đông lớn :

Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp/ Ngành nghề	CP sở hữu		Biến động CP trong năm	
				Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
Tổng cty Đầu tư và Kinh doanh Vốn NN		15A Trần Khánh Dư, Q. Hoàn Kiếm Hà Nội		2.076.427	25,96%	692.142	8,65%
Các cổ đông khác				5.923.573	74,04%	3.332.858	41,66%

*Ghi chú : Số lượng cổ phần sở hữu biến động tăng trong năm do mua thêm cổ phiếu đợt phát hành tăng vốn điều lệ lần 4.*

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : (không có)

Ngày 18 tháng 04 năm 2011

**CHỦ TỊCH HĐQT  
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC***Nguyễn Lương Am*